**TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG**

**TUẦN 9 - TIẾT 17**

**KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng.**

**a. Kiến thức:**

- Hiểu những thí nghiệm của Men đen và những định luật di truyền của ông, Thí nghiệm của Moocgan và di truyền liên kết.

- Biết đặc điểm cấu tạo của NST, ADN

- Hiểu quá trình nguyên phân và giảm phân, phát sinh giao tử và cơ chế xác định giới tính.

**b. Kĩ năng**

**-** Xử lý và trình bày thông tin, giải quyết vấn đề

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

***a. Các phẩm chất***

- Tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá, kịp thời điều chỉnh phương pháp học tập sau khi thu được kết quả

***b. Các năng lực chung***

- Phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề, quản lí

***c. Các năng lực chuyên biệt***

- Phát triển năng lực tri thức sinh học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy**

- Ma Trận, đề kiểm tra, đáp án

**2. Trò**

- Ôn tập lại các kiến thức đã học

**C. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**Ma Trận đề kiểm tra**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Chủ đề mạch KT,KN* | *Mức nhận thức* | | | | | | | | *Cộng* |
| *Nhận biết* | | *Thông hiểu* | | *Vận dụng thấp* | | *Vận dụng cao* | |
| *TN* | *TL* | *TN* | *TL* | *TN* | *TL* | *TN* | *TL* |
| *Chương I. Các thí nghiệm của Men Đen (6t)* | *Nhận biết phép lai phân tích, kết quả phép lai, kn tính trạng trội, dòng thuần* | | *Nguyên nhân xuất hiện biến dị tổ hợp,* | |  | *Biện luận viết sơ đồ lai* |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* | *4*  *1,6*  *điểm* |  | *1*  *0,4 điểm* |  |  | *1 2điểm* |  |  | *6 Câu*  *4điểm* |
| *Chương II. Tế Bào(6t)* | *Nêu biến đổi NST trong phân bào, ý nghĩa của thụ tinh, NP, GP* | | *Xác định số tế bào con sau nguyên phân, giảm phân, cơ sở sự phân hóa giới tính, tỷ lệ đực cái* | |  |  |  | *Giải thích cơ chế giới tính* |  |
| *Câu*  *điểm* | *4*  *1,6 điểm* |  | *4*  *1,6 điểm* |  |  |  |  | *1*  *1 điểm* | *9câu*  *4.2 điểm* |
| *Chương III. AND và gen(2t)* | *Nhận biết các loại ẢRN, biết cấu trúc phân tử ADN* | |  | *xác định phân tử ADN* | |  |  |  |  |
| *Câu*  *điểm* | *2*  *0,8 điểm* |  |  | *1/2*  *1 điểm* |  |  |  |  | *2,5câu*  *1,8 điểm* |
| Tổng 15C  Tổng 10.0Đ | Số câu 10  Số điểm 4.0 | | Số câu 5,5  Số điểm 3.0 | | Số câu 1  Số điểm 2.0 | | Số câu 1/2  Số điểm 1.0 | | Tổng 18C  Tổng 10 Đ |

**I. Trắc nghiệm khách quan 6 điểm**

**Câu 1**. phép lai nào sau đây là phép lai phân tích:

A. Aa x AA C. Aa x aa B. Aa x Aa D. aa x aa

**Câu 2.** ADN có chức năng:

A. Truyền đạt thông tin di truyền. B. Lưu giữ và truyền đạt thông tin di truyền.

C. Lưu giữ thông tin di truyền. D. Trực tiếp tham gia tổng hợp protein.

**Câu 3**. Đâu **không** phải ý nghĩa của thụ tinh:

A. Giúp duy trì bộ NST 2n đặc trưng của loài. B. Tạo nên hợp tử có tính di truyền.

C. Góp phần tạo nên nhiều biến dị tổ hợp. D. Hạn chế biến dị tổ hợp

**Câu 4**. Hai tế bào 2n giảm phân bình thường thì kết quả sẽ là

A. Tạo ra 4 tế bào 2n. C. Tạo ra 8 tế bào 2n

B. Tạo ra 8 tế bào n. D. Tạo ra 4 tế bào n

**Câu 5**. Di truyền liên kết là hiện tượng:

A. Một nhóm tính trạng di truyền cùng nhau.

B. Một nhóm tính trạng tốt luôn di truyền cùng nhau

C. Các tính trạng di truyền độc lập với nhau

D. Một tính trạng không được di truyền

**Câu6**. Mỗi vòng xoắn của phân tử ADN có số cặp nucleotit:

A. 10 cặp. B. 15 cặp C. 20 cặp. D. 25 cặp

**Câu 7**: Theo Menđen, tính trạng được biểu hiện ở cơ thể lai F1 được gọi là

A. tính trạng lặn B. tính trạng tương ứng. C. tính trạng trung gian. **D. tính trạng trội.**

**Câu 8**. Khi cho phép lai:

p Hạt vàng, vỏ nhăn x hạt xanh, vỏ trơn

F1: Hạt vàng, vỏ trơn ; hạt xanh, vỏ trơn; Hạt xanh, vở nhăn; hạt vàng, vỏ nhăn

Đâu là biến dị tổ hợp:

A. Hạt vàng, vỏ trơn ; hạt xanh, vỏ trơn B. Hạt xanh, vở nhăn; hạt vàng, vỏ nhăn

C. Hạt vàng, vỏ trơn ; Hạt xanh, vỏ nhăn D. hạt xanh, vỏ trơn; hạt vàng, vỏ nhăn

**Câu 9**. Một tế bào loài A có 2n= 18, tiến hành nguyên phân liên tiếp một số lần. số NST có trong các tế bào con ở kì giữa lần nguyên phân thứ 3 là:

A. 72 NST kép. B. 72 NST đơn. C. 144NST đơn. D. 144 NST kép.

**Câu 10** .Khi lai hai bố mẹ khác nhau về một cặp tính trạng thuần chủng tương phản thì

A. F1 phân li tính trạng theo tỉ lệ trung bình 3 trội : 1 lặn.

B. F2 đồng tính trạng trội.

**C. F2 phân li tính trạng theo tỉ lệ trung bình 3 trội : 1 lặn.**

D. Cả 3 phương án trên.

**Câu 11.** Cặp NST tương đồng tiếp hợp theo chiều dọc và bắt chéo ở kì nào của GP I :

A. Kì đầu B. Kì giữa C. Kì sau D. Kì cuối

**Câu 12** . Dòng thuần là

A. dòng mang tất cả các cặp gen đồng hợp.

B. dòng đồng hợp về kiểu gen và cùng biểu hiện 1 kiểu hình.

C. dòng mang các cặp gen đồng hợp trội.

D. dòng mang các cặp gen đồng hợp lặn.

**Câu 13.** Ý nghĩa cơ bản của quá trình nguyên phân là:

A. Chia đều chất nhân cho 2 tế bào

B. Sao chép nguyên vẹn bộ nhiễm sắc thể của tế bào mẹ cho 2 tế bào con

C. Sự phân chia đồng đều tế bào chất của tế bào mẹ cho 2 tế bào con

D. Đảm bảo cho 2 tế bào con giống tế bào mẹ

**Câu 14**. Cơ sở tế bào học của sự di truyền giới tính là

A. sự phân li và tổ hợp cặp NST giới tính trong quá trình giảm phân và thụ tinh.

B. sự phân li cặp NST giới tính trong quá trình giảm phân.

C. sự tổ hợp cặp NST giới tính trong quá trình thụ tinh.

D. sự phân li và tổ hợp cặp NST giới tính trong quá trình nguyên phân và thụ tinh.

**Câu 15**. Tại sao tỉ lệ con trai : con gái xấp xỉ 1 : 1?

A. Tỉ lệ tinh trùng mang NST X bằng Y.

B. Tinh trùng tham gia thụ tinh với xác suất như nhau.

C. Do quá trình tiến hoá của loài.

D. Cả A và B.

E. Cả A và C.

**II – Tự luận(4đ)**

**Câu 10***:(1đ)* : Quan niệm sinh con trai hay gái là do người mẹ là đúng hay sai? Vì sao?

**Câu 11***:(1đ) :* Cho một đoạn mạch của ADN có trình tự của các Nuclêotit như sau:

G – T– G – A – X – T – A – X – G –T – A – X – G – A – G – T

a) Phân tử ADN trên có chiều dài bằng bao nhiêu A­0?

b) Xác định đoạn phân tử ADN hoàn chỉnh?

*(2 đ):* Cho lai giống đậu Hà Lan hạt vàng thuần chủng với giống đậu Hà Lan hạt xanh. F1 toàn hạt vàng. Khi cho các cây đậu Hà Lan F1 tự thụ phấn với nhau thì tỉ lệ kiểu gen và kiểu hình ở F2 sẽ như thế nào? Hãy biện luận và viết sơ đồ lai. Biết tính trạng màu hạt chỉ do một nhân tố di truyền quy định.

**Đáp án:**

**Phần 1: mỗi đáp án đúng 0,25 đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **Đáp án** | **C** | **B** | **D** | **D** | **A** | **C** | **D** | **C** | **D** | **C** | **A** | **B** | **B** | **A** | **D** |

II – Tự luận(7đ)

**Câu 11**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **10** | Quan niệm trên sai vì  Trong quá trình phát sinh giao tử, người mẹ chỉ cho 1 loại giao tử, người bố cho 2 loại giao tử.  - trong thụ tinh tùy giao tử người bố kết hợp với giao tử người mẹ mà quy định giới tính con | 0,5  0,5 |
| **11** | **a**. 16 x 3,4 = 54,4Ao  mARN:  G – T– G – A – X – T – A – X – G –T – A – X – G – A – G – T  G – T– G – A – X – T – A – X – G –T – A – X – G – A – G – T | 0,5 đ  0,5 đ |
| **12** | Khi lai hai giống đậu Hà Lan hạt vàng thuần chủng với giống đậu Hà Lan hạt xanh thuần chủng, F1 thu được toàn hạt vàng nên ta có tinh trạng hạt vàng trội hoàn toàn so với tinh trạng hạt xanh.  **\* Quy ước gen**: A: hạt vàng  a: hạt xanh  **Sơ đồ lai:**  Ptc : Hạt vàng x hạt xanh  AA x aa  GP: A a  F1: KG: Aa KH: 100% hạt vàng  F2 : F1 x F1  Hạt vàng x Hạt vàng  Aa x Aa  GF1: A, a A, a  F2: KG: 1AA : 2Aa : 1aa KH: 3 hạt vàng: 1 hạt xanh. | 0,5  0,25  0,5  0,25  0,5 |

Tổ chuyên môn Ban giám hiệu *Người xây dựng*

Hoàng Thị Hương